

**QUYẾT ĐỊNH**

**BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y KHOA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

- Căn cứ Nghị định 31/CP, ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc Thành lập Đại học Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định 2424/QĐ-ĐHTN, ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;
- Căn cứ Quyết định 560/QĐ-ĐHYD, ngày 06/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học;
- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;
- Căn cứ nội dung Biên bản họp thông qua Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày 13 tháng 02 năm 2020;
- Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học.
- Điều 2:** Chương trình này được áp dụng trong Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên từ năm học 2020 - 2021.
- Điều 3:** Các Khoa, Bộ môn căn cứ vào Chương trình đào tạo được ban hành, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.
- Điều 4:** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa, Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, Đào tạo.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



**PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC  
\*\*\*

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH Y KHOA – TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
*(ban hành kèm theo Quyết định số 301/QĐ-ĐHYD*  
*ngày 6/03/2020)*

THÁI NGUYÊN – 2020

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Y khoa

Trình độ: Đại học

Mã số: 7720101

## I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đào tạo Bác sĩ y khoa có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức Y học cơ sở vững chắc, kiến thức và kỹ năng cơ bản về Y học lâm sàng và cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

## II. CHUẨN ĐẦU RA

### Yêu cầu về kiến thức

1. Vận dụng được kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
2. Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
3. Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

### Yêu cầu về kỹ năng

4. Chẩn đoán, điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng được các bệnh thông thường
5. Phát hiện và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường.
6. Phát hiện được những ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời.
7. Chỉ định và phân tích được kết quả một số xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường.
8. Thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng và cận lâm sàng cơ bản.
9. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
10. Phát hiện được dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
11. Thực hiện được các kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe để bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng và bảo vệ môi trường.
12. Kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả.
13. Phát hiện và xử trí được các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh.
14. Xác nhận được tình trạng tử vong và thông báo cho người nhà.
15. Thu thập, quản lý và sử dụng được các thông tin liên quan đến chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng.

16. Sử dụng được y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thông thường.
17. Tạo lập được mối quan hệ thân thiện và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và cộng đồng.
18. Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
19. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

#### **Mức tự chủ và chịu trách nhiệm**

20. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
21. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình người bệnh.
22. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp
23. Cung cấp được các thông tin liên quan đến sức khỏe và bệnh tật cho người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp.
24. Tuân thủ đúng các qui định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi ứng xử và hoạt động nghề nghiệp.
25. Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời.

#### **III. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu về y tế.
2. Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.
3. Các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế.

#### **IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG**

1. Bác sĩ nội trú.
2. Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
3. Thạc sĩ y học.
4. Tiến sĩ y học.

## V. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 5.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>		
	Các học phần/môn học chung	20	10,53
	Các học phần/môn học khoa học cơ bản	26	13,68
2.	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		
	Các học phần/module cơ sở ngành	58	30,52
	Các học phần/module chuyên ngành	78	41,05
	Học phần thực tập tốt nghiệp	4	2,11
3.	<b>Các học phần tự chọn</b>	4	2,11
	<b>Khối lượng kiến thức toàn khóa</b>	<b>190</b>	<b>100</b>

- 01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, 60 tiết thực tập cộng đồng, giáo dục quốc phòng.

### 5.2. Danh mục các học phần/môn học/module bắt buộc

#### 5.2.1. Phần giáo dục đại cương

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
<b>Các học phần/môn học chung</b>		
1.	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4
2.	Giáo dục thể chất 1	2
3.	Giáo dục thể chất 2	1
4.	Triết học Mác-Lê Nin	3
5.	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2
6.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
8.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
9.	Pháp luật đại cương	2
	<b>Tổng</b>	<b>20</b>
<b>Các học phần/môn học khoa học cơ bản</b>		
10.	Module 1: Khoa học cơ bản 1	3
11.	Module 2: Khoa học cơ bản 2	3
12.	Xác suất thống kê trong y học	2
13.	Tin học đại cương	2
14.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
15.	Tiếng Anh 1	2
16.	Tiếng Anh 2	2
17.	Tiếng Anh 3	2
18.	Tiếng Anh 4	2
19.	Tiếng Anh 5	2

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
20.	Tiếng Anh 6	2
21.	Tiếng Anh 7	2
	<b>Tổng</b>	<b>26</b>

### 3.2.2. Các học phần/môn học/module cơ sở ngành

STT	Tên học phần/môn học/module	Tổng số tín chỉ
22.	<b>Module 3:</b> Y cơ sở 1	5
23.	<b>Module 4:</b> Y cơ sở 2	5
24.	<b>Module 5:</b> Y cơ sở 3	4
25.	<b>Module 6:</b> Hệ Huyết học - Bạch huyết	2
26.	<b>Module 7:</b> Hệ tim mạch	2
27.	<b>Module 8:</b> Hệ hô hấp	2
28.	<b>Module 9:</b> Thực hành y khoa 1	2
29.	<b>Module 10:</b> Hệ tiêu hóa	2
30.	<b>Module 11:</b> Hệ tiết niệu	2
31.	<b>Module 12:</b> Hệ Da - Cơ - Xương	2
32.	<b>Module 13:</b> Thực hành y khoa 2	2
33.	<b>Module 14:</b> Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyển hóa	3
34.	<b>Module 15:</b> Hệ thần kinh	2
35.	<b>Module 16:</b> Thực hành y khoa 3	2
36.	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2
37.	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số	2
38.	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2
39.	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	2
40.	Dịch tễ	2
41.	Dược Lâm sàng	2
42.	Chẩn đoán hình ảnh	2
43.	Kinh tế y tế- Bảo hiểm y tế	2
44.	Tính chuyên nghiệp 1	1
45.	Tính chuyên nghiệp 2	1
46.	Tính chuyên nghiệp 3	1
47.	Thực tập cộng đồng	2
	<b>Tổng</b>	<b>58</b>

### 3.2.3. Các học phần/môn học chuyên ngành

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
48.	Nội cơ sở	4
49.	Ngoại cơ sở	4
50.	Nội bệnh lý 1	4

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
51.	Ngoại bệnh lý 1	4
52.	Sản phụ khoa 1	4
53.	Nhi khoa 1	4
54.	Da liễu	2
55.	Thần kinh	2
56.	Lao và Bệnh phổi	2
57.	Sức khỏe tâm thần	2
58.	Y học cổ truyền	2
59.	Mắt	2
60.	Răng hàm mặt	2
61.	Tai mũi họng	2
62.	Truyền nhiễm	2
63.	Ung thư	2
64.	Phục hồi chức năng	2
65.	Nội bệnh lý 2	3
66.	Ngoại bệnh lý 2	3
67.	Sản phụ khoa 2	3
68.	Nhi khoa 2	3
69.	Nội bệnh lý 3	5
70.	Ngoại bệnh lý 3	5
71.	Sản phụ khoa 3	5
72.	Nhi khoa 3	5
	<b>Tổng</b>	<b>78</b>

### 3.2.4. Học phần/môn học thực tế

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ
73.	Thực tập tốt nghiệp	4

### 3.3. Các học phần/môn học tự chọn

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
	<i>Phần chuyên ngành (5 học phần chọn 2)</i>	
1.	Pháp y	2
2.	Gây mê hồi sức	2
3.	Nhân học Y học	2
4.	Một sức khỏe	2
5.	Y học gia đình	2
	<b>Tổng</b>	<b>4</b>

#### 5.4. Mã học phần/môn học/module và phân bố theo học kỳ

TT	Mã số	Tên học phần/ môn học/module	Số tín chỉ	HP/module tiên quyết	Học kỳ
<b>NĂM 1</b>			<b>30</b>		
1	BAS131	<b>Module 1:</b> Khoa học cơ bản 1	3		1
2	BAS132	<b>Module 2:</b> Khoa học cơ bản 2	3		1
3	PHE121	Giáo dục thể chất 1	2		1
4	GIF121	Tin học	2		1
5	MIE141	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	4		1
6	BME251	<b>Module 3:</b> Y cơ sở 1	5		2
7	BME252	<b>Module 4:</b> Y cơ sở 2	5		2
8	BME243	<b>Module 5:</b> Y cơ sở 3	4		2
9	ENG121	Tiếng Anh 1	2		2
<b>NĂM 2</b>			<b>33</b>		
10	HEM221	<b>Module 6:</b> Hệ Huyết học - Bạch huyết	2		3
11	CAR221	<b>Module 7:</b> Hệ tim mạch	2		3
12	RES221	<b>Module 8:</b> Hệ hô hấp	2		3
13	POM221	<b>Module 9:</b> Thực hành y khoa 1	2		3
14	PSM121	Xác suất thống kê trong y học	2		3
15	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121	3
16	PRO211	Tính chuyên nghiệp 1	1		3
17	BLA121	Pháp luật đại cương	2		3
18	PHE112	Giáo dục thể chất 2	1		3
19	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG122	4
20	PML131	Triết học Mác-Lê Nin	3		4
21	DIG221	<b>Module 10:</b> Hệ tiêu hóa	2		4
22	URI221	<b>Module 11:</b> Hệ tiết niệu	2		4
23	SMB221	<b>Module 12:</b> Hệ Da - Cơ - Xương	2		4
24	POM222	<b>Module 13:</b> Thực hành y khoa 2	2		4
25	NFS421	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2		4
26	HMP421	Tổ chức quản lý y tế -Chương trình y tế quốc gia - Dân số	2		4
<b>NĂM 3</b>			<b>34</b>		
27	ERM231	<b>Module 14:</b> Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyên hóa	3		5
28	NER221	<b>Module 15:</b> Hệ thần kinh	2		5



TT	Mã số	Tên học phần/ môn học/module	Số tín chỉ	HP/module tiên quyết	Học kỳ
29	POM223	<b>Module 16:</b> Thực hành y khoa 3	2		5
30	PEM121	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin	2		5
31	CEH421	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2		5
32	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG123	5
33	EOH421	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	2		5
34	PRO212	Tính chuyên nghiệp 2	1		5
35	BIN341	Nội cơ sở	4	POM221,	6
36	BSU341	Ngoại cơ sở	4	POM222, POM223	6
37	IDI221	Chẩn đoán hình ảnh	2	BAS131, BME251	6
38	chọn 1 trong 2 học phần				
	ANE521	Gây mê hồi sức	2	POM221, POM222, POM223	6
	AME521	Nhân học y học	2		6
39	MSR121	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		6
40	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		6
41	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG124	6
<b>NĂM 4</b>			<b>33</b>		
42	IME341	Nội bệnh lý 1	4	BIN341	7
43	SUR341	Ngoại bệnh lý 1	4	BSU341	7
45	OGY341	Sản phụ khoa 1	4	POM221, POM222, POM223	7
46	ENG126	Tiếng Anh 6	2		7
47	EPI421	Dịch tễ	2		7
48	PRO213	Tính chuyên nghiệp 3	1		7
49	PED341	Nhi khoa 1	4	POM221, POM222, POM223	8
50	ENG127	Tiếng Anh 7	2		8
51	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		8
52	DER321	Da liễu	2	IME341,	8

TT	Mã số	Tên học phần/ môn học/module	Số tín chỉ	HP/module tiên quyết	Học kỳ
53	NEU321	Thần kinh	2	SUR341,	8
54	PSY321	Sức khỏe tâm thần	2	OGY341,	8
55	TME321	Y học cổ truyền	2	PED341	8
<b>NĂM 5</b>			<b>34</b>		
56	TPD321	Lao và Bệnh phổi	2	IME341,	9
57	OPH321	Mắt	2	SUR341,	9
58	OST321	Răng hàm mặt	2	OGY341,	9
59	OTO321	Tai mũi họng	2	PED341	9
60	ONC321	Ung thư	2		9
61	REH321	Phục hồi chức năng	2		9
	Chọn 1 trong 3 học phần				9
	FME521	Y pháp	2		
62	FAM521	Y học gia đình	2	IME341, SUR341, OGY341, PED341	9
	OHE521	Một sức khỏe	2		9
63	MEI421	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2		9
	CPH221	Dược lâm sàng	2	BME252	9
64	INF321	Truyền nhiễm	2	IME341, SUR341, OGY341, PED341	10
65	IME332	Nội bệnh lý 2	3	IME341	10
66	SUR332	Ngoại bệnh lý 2	3	SUR341	10
67	OGY332	Sản phụ khoa 2	3	OGY341	10
68	PED332	Nhi khoa 2	3	PED341	10
69	CPR421	Thực tập cộng đồng	2	NFS421, HMP421, COM421, EOH421, EPI431	10
<b>NĂM 6</b>			<b>26</b>		
70	IME353	Nội bệnh lý 3	5	IME332	11
71	SUR353	Ngoại bệnh lý 3	5	SUR332	11
72	OGY353	Sản phụ khoa 3	5	OGY332	11

TT	Mã số	Tên học phần/ môn học/module	Số tín chỉ	HP/module tiên quyết	Học kỳ
73	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		11
74	PED353	Nhi khoa 3	5	PED332	12
75	GPR441	Thực tập tốt nghiệp	4	Tất cả các HP	12
<b>Tổng</b>			<b>190</b>		

## VI. CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU

### 1. Thực tập/ thực hành tiền lâm sàng

Tại các phòng thực tập, phòng thí nghiệm, Trung tâm Skillab của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

### 3. Thực hành ở Bệnh viện

Tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên, các Bệnh viện chuyên khoa tại tỉnh Thái Nguyên, các Bệnh viện/Trung tâm Y tế huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên, Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên.

### 4. Thực tập tại cộng đồng

- Thực tập cộng đồng tại các trung tâm y tế, bệnh viện huyện, trạm y tế các xã của các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên.

- Thực tập tốt nghiệp tại bệnh viện tuyến tỉnh của các tỉnh từ Thanh Hóa trở ra.

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

**1. Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học** được xây dựng trên cơ sở chương trình khung thống nhất giữa Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học; Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học. Chương trình đó được chuyển đổi sang tín chỉ theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm 190 tín chỉ.

### 2. Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khoa học cơ bản - Y học cơ sở - Y tế công cộng - Y học lâm sàng, có sự lồng ghép các khối kiến thức ở các mức độ khác nhau theo lộ trình học tập.

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Nhà trường, với sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

### 3. Phương pháp dạy học

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thảo luận nhóm, Team Based-Learning, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, cầm tay chỉ việc, thực hành, seminar.... tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong quá trình dạy và học.

### 4. Thực tập

- Thực tập tiền lâm sàng : Tại các phòng thực tập, thí nghiệm, trung tâm Skillab của Trường.

- Thực hành tại bệnh viện : Tại các cơ sở thực hành chính như Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện C Thái Nguyên, các Bệnh viện chuyên khoa tại Thái Nguyên, các bệnh viện, trung tâm y tế huyện/thành phố của tỉnh Thái Nguyên.

- Thực tập tốt nghiệp tại bệnh viện các tỉnh phía bắc từ Thanh Hóa trở ra với thời gian 8 tuần.

- Thực tập cộng đồng : Tại các bệnh viện huyện, trung tâm y tế huyện/thành phố, các trạm y tế thuộc địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

### 5. Kiểm tra, thi

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do giảng viên đánh giá; mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần. Hình thức thi và kiểm tra hướng tới đánh giá năng lực người học.

### 6. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ các học phần trong chương trình đào tạo, có các chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh, chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà trường, thì được xét công nhận tốt nghiệp.

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**